

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/02/2025

V/v ly hôn giữa chị H với anh K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thái Sơn

Ông Huỳnh Đức Tâm.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 532/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 455/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Danh Thị H**, sinh năm 1994;

Hộ khẩu thường trú: 403, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; nơi đang cư trú: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Đăng K**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: 403, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị H và anh K vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2024, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 13/12/2024, nguyên đơn chị Danh Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng K tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh chị có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 4/2022, chị đã dẫn con đi làm ăn và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh K không còn khả năng hàn gắn. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Chị có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2019. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị xin vắng mặt trong vụ án. Chị cam kết không khiếu nại về sau.

*Bị đơn anh Nguyễn Đăng K trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh K đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh K.*

*Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung, đề nghị giao con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung chị H khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Danh Thị H và anh Nguyễn Đăng K là tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung. Bị đơn anh K cư trú tại xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bị đơn anh K vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; chị H xin vắng mặt trong vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Danh Thị H và anh Nguyễn Đăng K tự nguyện **chung sống và** đăng ký kết hôn **tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/10/2019** nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định, trong thời gian vợ chồng chung sống anh chị có bất đồng về quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung; mâu thuẫn kéo dài nhưng anh chị vẫn không khắc phục được nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay; chị H xác định quan hệ hôn nhân giữa chị và anh K không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đang tồn tại nên anh chị đã sống ly thân; thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị vẫn không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh K không đến tham gia phiên hòa giải, không đến tham gia phiên tòa; điều đó cho thấy anh K không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2019 (theo Giấy khai sinh số 286 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 21/10/2019). Chị H yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, chị H là người trực tiếp nuôi cháu V, anh K không có yêu cầu gì về con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và không làm xáo trộn

cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho chị H được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh K vắng mặt trong quá trình tố tụng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K về phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị Danh Thị Hồng ly H2 với anh Nguyễn Đăng K.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Danh Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007349 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị H và anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Huyền**